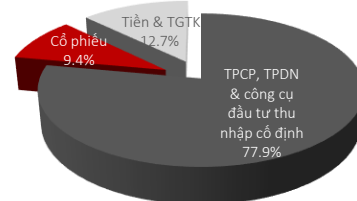


Tổng quan về Quỹ

Cấu trúc Quỹ	Quỹ mở Trái phiếu
Mức rủi ro	THẤP
Mức lợi nhuận	THẤP TB CAO
Mức phí	THẤP TB CAO

Phân bổ tài sản



Hiệu quả đầu tư

Giá trị tài sản ròng (GTTSR) trên mỗi chứng chỉ quỹ của VFF đạt 15,103 đồng tại thời điểm cuối tháng 6/2018, tăng 0,1% so với tháng trước và so với mức tăng 0,8% trong tháng 5/2018. Tính từ đầu năm, GTTSR của VFF tăng 3,7% so với mức tăng 3,6% tại thời điểm cuối tháng 5/2018. GTTSR của VFF tăng nhẹ trong tháng 6 nhờ vào các yếu tố sau:

- Lợi nhuận tích lũy từ các khoản đầu tư vào trái phiếu chính phủ (TPCP) và trái phiếu doanh nghiệp.
- Lợi nhuận chưa thực hiện từ các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết, chiếm 9,4% tổng GTTSR của VFF, bị ảnh hưởng do tác động từ nhịp điều chỉnh sâu của thị trường cổ phiếu trong tháng 6.
- Lợi nhuận thực hiện và chưa thực hiện từ các khoản đầu tư vào tài sản có thu nhập cố định giúp mang lại dòng thu nhập ổn định cho quỹ và bảo vệ GTTSR của quỹ khỏi những biến động lớn trong các giai đoạn khác nhau của thị trường trái phiếu và cổ phiếu.

Tổng GTTSR của VFF đến cuối tháng 6/2018 đạt 708,9 tỷ đồng (tương đương 30,8 triệu USD) so với mức 721,4 tỷ đồng (tương đương 31,6 triệu USD) tại thời điểm cuối tháng 5. Trái phiếu và các khoản đầu tư thu nhập cố định chiếm 77,9% tổng GTTSR của VFF tại thời điểm cuối tháng 6 trong khi cổ phiếu niêm yết chiếm 9,4%. VFF tiếp tục duy trì 12,7% tổng GTTSR của quỹ bằng tiền mặt cho các cơ hội đầu tư tiềm năng trong các tháng tới.

Chiến lược đầu tư

Phân bổ tài sản

Tối thiểu 80% tổng giá trị tài sản ròng của Quỹ phân bổ vào trái phiếu chính phủ, trái phiếu được chính phủ bảo lãnh, trái phiếu địa phương, giấy tờ có giá phát hành bởi các tổ chức tín dụng hàng đầu, và công cụ tiền gửi tiết kiệm ngắn hạn.

Đầu tư đến 15% tổng giá trị tài sản ròng của Quỹ vào chứng khoán niêm yết có nền tảng tốt, tiềm năng tăng trưởng cao và có cấu trúc ổn định nhằm hạn chế rủi ro khi giá giảm.

Mục tiêu đầu tư

Mang lại lợi nhuận hấp dẫn và ổn định từ vốn đầu tư gia tăng giá trị, trái tức và các công cụ gia tăng giá trị khác.

Lãi suất tham chiếu

Bình quân lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 3 tháng thanh toán lãi cuối kỳ của 4 ngân hàng cổ phần thương mại nhà nước gồm Vietcombank, BIDV, VietinBank và Agribank.

Kết quả hoạt động so với lãi suất tham chiếu

	Tổng Tài Sản (tỷ VNĐ)	NAV/unit (VNĐ) trong tháng	Thay đổi	Tăng trưởng NAV ¹						Từ ngày thành lập (09/4/2013)
				Từ đầu năm	2013	2014	2015	2016	2017	
VFF	708.9	15,103	0.1%	3.7%	4,7%	8,8%	6,7%	9,0%	9,9%	51.0%
TB LSTK 3T 4 SOCBs ¹				2.3%	5,2%	5,9%	4,7%	5,1%	4,8%	28.3%
TB LSTK 12T 4 SOCBs ²				3.3%	5,8%	7,1%	6,1%	6,6%	6,7%	35.8%
TB LSTK 12T VCB ³				3.2%	5,8%	7,0%	6,1%	6,4%	6,5%	35.2%

¹ Tăng trưởng NAV là lợi nhuận thuần sau khi đã trừ phí quản lý và chi phí vận hành
² Lãi suất tham chiếu: Bình quân lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 3 tháng thanh toán lãi cuối kỳ của 4 NH CPTMNN (VCB, BIDV, Vietin và Agri)
³ Lãi suất tham khảo: Lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng thanh toán lãi cuối kỳ của 4 NH CPTMNN
⁴ Lãi suất tham khảo: Lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng thanh toán lãi cuối kỳ của VCB

Thông tin về Quỹ

Ngày thành lập	09/04/2013
Phí quản lý thường niên	1,2%
Phí phát hành	0,0%
Phí mua lại	• 2,5% <= 12 tháng • 1,0% >12 tháng
Mức đầu tư tối thiểu	VND2.000.000 / ~USD90
Ngân hàng Giám sát và Lưu ký	Ngân hàng Standard Chartered (Việt Nam)
Công ty kiểm toán	PricewaterhouseCoopers (Vietnam)
Định kỳ giao dịch	Hàng tuần, vào ngày thứ Ba

Giám đốc Quản lý danh mục: Bà Nguyễn Thị Xuân Dung
dung.xuan.nguyen@vinacapital.com

Bộ phận Quan hệ Nhà đầu tư: irwm@vinacapital.com
 Tel: +84 8 38 27 85 35

Chỉ tiêu kinh tế vĩ mô

		06/2018	05/2018	2017A	2018F
GDP	% y/y	7.08		6.81	6.70 - 6.80
PMI		55.70	53.90	52.50	
CPI	% y/y	3.29	3.01	3.53	4.00
Cán cân thương mại	USD tỷ	2.71	3.39	2.93	4.50
Nhập khẩu	% y/y	10.00	8.20	21.87	13.70
Xuất khẩu	% y/y	16.00	15.80	21.73	10.00
FDI, Đăng ký	USD tỷ	20.33	9.90	35.88	
FDI, Giải ngân	USD tỷ	8.37	6.75	17.50	
Dự trữ ngoại hối	USD tỷ	63.50	63.00	51.50	
	USD/VND	22,938	22,804	22,714	22,900

Cập nhật thị trường, 6/2018

Tăng trưởng kinh tế duy trì ổn định trong bối cảnh tác động từ các yếu tố bên ngoài đang dần hiện hữu: Đến thời điểm cuối tháng 6, GDP ghi nhận thêm một quý đạt mức tăng trưởng cao với mức tăng 6.79% trong quý 2 và tăng 7.08% so với cùng kỳ năm trước, chủ yếu do mức tăng trưởng cao của ngành sản xuất (tăng 13,2% so với cùng kỳ năm trước) nhờ vào nhu cầu trong nước và thế giới duy trì ở mức cao và điều kiện vĩ mô của Việt Nam tương đối ổn định. Tuy nhiên, sức ép lên lạm phát và tác động trực tiếp, gián tiếp từ căng thẳng thương mại giữa Mỹ và Trung Quốc có thể gây khó khăn lên mục tiêu tăng trưởng kinh tế của Việt Nam trong năm 2018 và 2019.

Ngành sản xuất tăng tốc: Chỉ số quản trị mua hàng Nikkei (PMI) tăng tốc lên 55.7 trong tháng 6 từ mức 53.9 trong tháng 5. Sản lượng và lượng đơn đặt hàng mới tiếp tục tăng theo mức cao tăng nhanh.

FDI làm tâm điểm với các dự án lớn mới tại các thành phố lớn: Vốn FDI đăng ký tăng từ 9,9 tỷ USD tại thời điểm cuối tháng 5 lên 20,33 tỷ USD vào cuối tháng 6 chủ yếu từ dự án Thành Phố Thông Minh 4,1 tỷ USD tại Hà Nội, dự án sản xuất nhựa và kho chứa dầu khí hóa lỏng 1,2 tỷ USD tại Bà Rịa Vũng Tàu, vốn đăng ký tăng thêm 1,1 tỷ USD của dự án Lahuna tại Huế, dự án khu mua sắm Lotte 600 triệu USD tại Hà Nội và vốn đăng ký tăng thêm 502 triệu USD của dự án LG Innotek tại Hải Phòng. Tính từ đầu năm, lĩnh vực chế tạo và sản xuất thu hút dòng vốn FDI nhiều nhất lên đến 7,91 tỷ USD, chiếm 38,9% tổng vốn FDI đăng ký mới và Nhật là quốc gia đứng đầu về và quy mô đầu tư vào Việt Nam với tổng vốn đạt 6,47 tỷ USD, chiếm 31,8% tổng vốn FDI đăng ký mới. Đến cuối tháng 6, giá trị các dự án FDI giải ngân đạt 8,37 tỷ USD, tăng 8,4% so với cùng kỳ năm 2017.

Nhập khẩu mạnh thu hẹp thặng dư thương mại: Tháng 6 ghi nhận thâm hụt cán cân thương mại trong hai tháng liên tiếp với mức thâm hụt 0,1 tỷ USD so với mức thâm hụt 0,8 tỷ USD trong tháng 5 làm thặng dư thương mại giảm từ 3,39 tỷ USD trong tháng 5 xuống còn 2,71 tỷ USD trong tháng 6. Sau 6 tháng đầu năm 2018, tổng giá trị xuất khẩu đạt 113,93 tỷ USD, tương đương 53,2% tổng giá trị xuất khẩu trong năm 2017, chủ yếu nhờ vào hàng hóa xuất khẩu từ các doanh nghiệp FDI. Tổng giá trị nhập khẩu duy trì ở mức cao, đạt 111,2 tỷ USD tính đến cuối tháng 6, với các mặt hàng nhập khẩu chủ yếu gồm máy vi tính, linh kiện điện tử, máy móc và thiết bị. Căng thẳng thương mại giữa Mỹ và Trung Quốc gia tăng có thể tác động tiêu cực đến tình hình xuất khẩu và cán cân thương mại của Việt Nam trong thời gian tới.

Áp lực lên lạm phát gia tăng: Lạm phát tháng 6 tăng 0,61% so với tháng trước chủ yếu do giá nhóm hàng lương thực và xăng dầu tăng. Đến cuối tháng 6, lạm phát bình quân tăng 3,29% so với mức tăng bình quân trong tháng 5 là 3,01% trong khi mức tăng so với cùng kỳ năm trước tăng mạnh lên 4,67% từ mức 3,86% tại thời điểm cuối tháng 5.

VNĐ giảm giá theo xu hướng chung của các đồng tiền khác trên thế giới: Ngân hàng nhà nước (NHNN) đã dẫn điều chỉnh giảm tỷ giá VNĐ/USD tham chiếu 1% tính từ đầu năm trong bối cảnh USD dần mạnh lên sau các đợt nâng lãi suất của Fed kể từ cuối năm 2015. Tại thời điểm cuối tháng 6, USD giao dịch quanh mức 22.940 VNĐ/USD so với mức 22.800 tại thời điểm cuối tháng 5 và so với mức 22.710 tại thời điểm cuối năm 2017. Dự trữ ngoại hối cải thiện (đạt 63,5 tỷ USD tại cuối tháng 6 so với 52 tỷ USD tại cuối năm 2017) và dòng vốn FDI, FI dồi dào kỳ vọng sẽ mang lại nguồn dự trữ đủ để NHNN quản lý việc phá giá đồng VNĐ khoản 2% -3% và chưa cần thắt chặt chính sách tiền tệ trong năm 2018.

Thanh khoản trong hệ thống ngân hàng ổn định: Tốc độ huy động vốn tăng nhanh hơn tăng trưởng tín dụng (7,8% so với 6,35%) duy trì thanh khoản dồi dào trong hệ thống ngân hàng, hỗ trợ giao dịch tích cực của thị trường trái phiếu trong tháng 6.

Thị trường trái phiếu sơ cấp: Tổng giá trị trái phiếu phát hành trong tháng 6 đạt 16.940 tỷ đồng (tương đương 739 triệu USD), tăng 51,5% so với tháng trước và tất cả trái phiếu đều được phát hành bởi Kho Bạc Nhà Nước (KBNN). Tỷ lệ phát hành thành công cải thiện từ mức 36,6% trong tháng 5 lên mức 54,3% trong tháng 6. Trong khi đó, tỷ lệ đạt thầu không đổi so với tháng trước và ở mức 2 lần. Các đợt đầu thầu trái phiếu KBNN kỳ hạn 7 và 30 năm trong tháng 6 không thành công do nhà đầu tư kỳ vọng mức lợi suất cao hơn. Lợi suất trái phiếu KBNN các kỳ hạn 5, 10, 15, 20 năm tăng lần lượt 10, 11, 10 và 6 điểm cơ bản.

Tại thời điểm cuối tháng 6, KBNN hoàn thành 37,3% kế hoạch phát hành cho năm 2018 (200 nghìn tỷ đồng, tương đương 8,79 tỷ USD), khá chậm so với tiến độ của chính phủ.

Thị trường trái phiếu thứ cấp: Tổng giá trị trái phiếu giao dịch thứ cấp trong tháng 6 đạt 108,30 nghìn tỷ đồng (tương đương 4,72 tỷ USD), tăng 23,6% so với tháng 5. Lợi suất TPCP kỳ hạn ngắn giảm từ 7 đến 17 điểm cơ bản so với tháng trước trong khi lợi suất trái phiếu chính phủ (TPCP) kỳ hạn dài ghi nhận mức tăng từ 9 đến 10 điểm cơ bản so với tháng trước và lợi suất TPCP kỳ hạn 7 năm không thay đổi.

Ghi chú quan trọng

Những thông tin trong đây do Công ty cổ phần quản lý Quỹ VinaCapital ("Công ty") soạn thảo và có thể được cập nhật, hoàn chỉnh, sửa đổi, điều chỉnh và xác nhận thêm mà không cần phải thông báo.

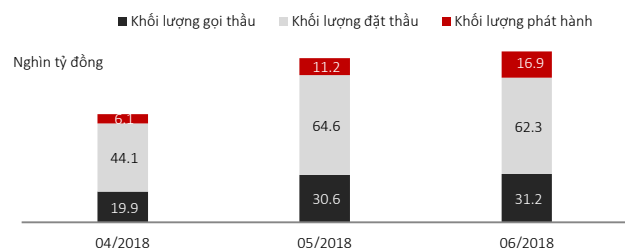
Các thông tin trong tài liệu này không có bất kỳ hàm ý hay chỉ dẫn là đã được phê duyệt bởi bởi cơ quan có thẩm quyền. Thông tin không cấu thành hoặc hình thành nên một phần của bất kỳ chào bán nào hoặc gia giảm mua hoặc đăng ký mua bất kỳ cổ phiếu nào cũng như không tạo thành cơ sở hoặc liên quan đến hành động như là sự thuyết phục tham gia vào bất kỳ hợp đồng hoặc cam kết dưới bất kỳ hình thức nào. Đối với những thông tin tin dự báo dựa trên việc ước lượng hoặc ý kiến của Công ty tại thời điểm thông tin được đưa ra, Công ty sẽ không có nghĩa vụ xác nhận hoặc cập nhật những thông tin trong tương lai nếu sự ước lượng hoặc ý kiến về tình huống hoặc quản lý thay đổi.

Không có bất kỳ sự cam đoan, cam kết, bảo đảm hoặc chắc chắn nào dù là rõ ràng hay ngụ ý được đưa ra bởi hoặc thay mặt Công ty hoặc các giám đốc, nhân viên, đối tác, người lao động, đại lý hoặc bên tư vấn hoặc bất kỳ người nào khác về sự chính xác hoặc hoàn chỉnh của những thông tin và ý kiến nêu ra tại đây và những người nói trên cũng sẽ không có bất kỳ trách nhiệm hoặc nghĩa vụ nào đối với những thông tin hoặc ý kiến này hoặc đối với bất kỳ lỗi, thiếu sót, tuyên bố sai, bất cập hoặc vấn đề nào khác đối với bất kỳ thông tin liên lạc nào bằng văn bản hoặc bằng cách khác.

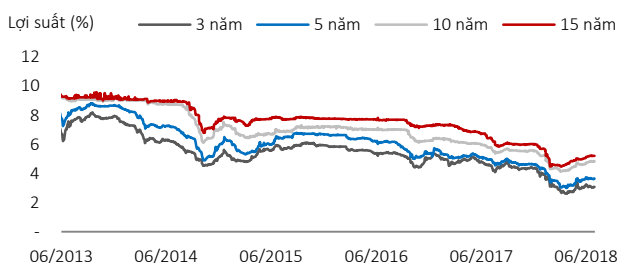
Những thông tin này không được sao chép, chuyển giao lại cho bất kỳ người nào hoặc phát hành toàn bộ hoặc một phần vì bất kỳ mục đích gì. Thông qua việc chấp nhận văn bản này, Quý khách hàng đồng ý bị ràng buộc bởi những hạn chế nêu trên.

Không có trạng nào hoặc bản sao nào được thực hiện hoặc chuyển đi hoặc giao trong phạm vi bất kỳ quyền tài phán nào nơi mà việc chuyển giao những tài liệu đó là cấm theo luật chứng khoán hiện đang áp dụng. Việc không tuân thủ những hạn chế này có thể dẫn đến việc vi phạm luật chứng khoán quốc gia.

Kết quả đấu thầu trái phiếu sơ cấp



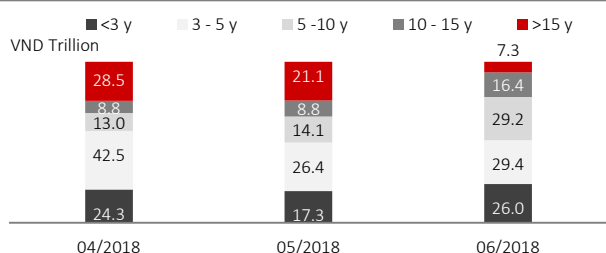
Lợi suất trái phiếu thứ cấp



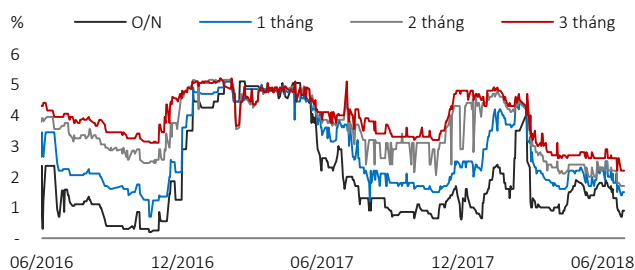
Biến động lợi suất trái phiếu thứ cấp

Kỳ hạn	Tháng		Thay đổi
	05/2018	06/2018	
1 năm	2.46	2.34	-0.12
2 năm	2.76	2.69	-0.07
3 năm	3.23	3.06	-0.17
5 năm	3.73	3.65	-0.08
7 năm	4.16	4.16	0.00
10 năm	4.73	4.83	0.10
15 năm	5.11	5.20	0.09

Giao dịch trái phiếu thứ cấp theo kỳ hạn



Lãi suất liên ngân hàng



Nguồn: Bloomberg